

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Light

LIGERO2 S1P LOW S1 PS

LIGERO2S1P

Giày th ể **thao** nh ẹ

Giày bảo h ộ LIGERO2 S1P là m ộ giày trong h ộ nh ẹ nhất
trên th phù h ợp cho các công giày siêu nh ẹ làm t ừ vật l iệu
nano carbon không có giày bên trong. Nó cũng có trên thoáng khí và lót giày
có th i ể tháo r ờ

Những vật liệu cao cấp lớp may	D
lót bên trong	i tái chế lưới
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	i không dệt và chống thủng
ngoài Đ	PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.465 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CO_2 7.01 kg



ORA



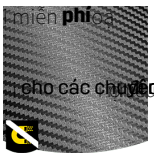
BLK



NAV



SRC
Rước là một trong những tính năng giày quan trọng và giày bảo vệ chống lại SRC. Vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Kim l
miễn phí oạ
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên giá giày.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ cải thiện thoải lâu hơn.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, siêu không có kim l



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
Đ chống đâm thủng. Bao phủ 100% này không



SJ BỘ
T lót chân
chống tính mái có thể tháo
vận, dẫn hướng và hấp thụ sốc
gót chân và bàn Thoáng khí và hút ẩm.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Ngành công n ghiệ p , hậ

ường: **Môi** t
ru ờn g mộ i khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằ m phẳ cá ph hà mị Khô trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ết ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy** D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ới ơ	? 0.8		4.2	ời	mg/cm/g
	Top: h ệ số ới ơ	? 15		37.6		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó					
	L ớp **lót:** ấm ới ơ	? 2		41.3	ời	mg/cm/g
	lót: h ệ số ới ơ	? 20		330.2		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài	Đ **PU**					
	Ch ố n ảm ến ế ngoài (mài mòn)	? 150		103		mm
	Chư ố ợ c ốt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31		0.38		ma sát
	ru Ợt ố ả G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.39		ma sát
	ru Ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.24		ma sát
	Chư ố ợ SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.27		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		56.5		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		67		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân ủ	? 20		29		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		17		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		22.0		mm

kích thước thép: 42

a chú ôi khô ó ế ê à ã hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ợ sao chép ướ dạng nào mà không ép ằ ủ

hân sinh Đ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ết ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		4.74		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			7.01 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		19%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị ượ à tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng cách công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.